

Bản án số: 179/2023/HSST
Ngày: 29/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa (Giáo viên hưu trí) và ông Đậu Cao Nhu (Giáo viên hưu trí).

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Thư ký TAND huyện Quỳnh Lưu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 163/2023/HSST, ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tuấn V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 31 tháng 01 năm 2004, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1979 và con bà Trần Thị T1, sinh năm 1980; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. Hồ Trọng T2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14 tháng 6 năm 2006, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: đang học lớp 12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hồ Trọng T3, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1984; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia

đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Thị T4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 15 tháng 02 năm 2007, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: đang học lớp 11; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông: Nguyễn T5, sinh năm 1970 và con bà Bùi Thị V1, sinh năm 1973; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hồ Trọng T2: Ông Hồ Trọng T3, sinh năm 1981 (bố đẻ), vắng mặt và bà Phạm Thị N, sinh năm 1984 (mẹ đẻ), có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thị T4: Ông Nguyễn T5, sinh năm 1970 (bố đẻ), vắng mặt và bà Bùi Thị V1, sinh năm 1973 (mẹ đẻ), có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Trọng T2 và Nguyễn Thị T4: Bà Vũ Thị H-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh N- Chi nhánh số 1. Có mặt.

- Bị hại: Công ty cổ phần Đ;

Địa chỉ: Số B, đường L, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Tiến H1, sinh năm 1966 – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Đình T6, sinh năm 1973 – Cung trưởng C đường Q. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm I, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đàm Thị T7; sinh năm 1962; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Bà Đinh Thị T8; sinh năm 1962; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Ngô Quang N1; sinh năm 1961; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

4. Bà Nguyễn Thị T9; sinh năm 1967; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm F, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

5. Ông Nguyễn T5; sinh năm 1970; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

6. Ông Phạm Văn T; sinh năm 1979; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

7. Ông Võ Minh V2; sinh năm 1964; Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

8. Ông Hoàng Văn T10; sinh năm 1967; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

9. Cháu Hồ Trọng Anh T11; sinh ngày 11/8/2010; Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Trọng T12; sinh năm 1979, có mặt và bà Phạm Thu H2; sinh năm 1976; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ an.

- Người làm chứng: Anh Ngô Trí T13; sinh năm: 1990; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối tháng 7/2023 đến ngày 03/8/2023, Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4, Hồ Trọng Anh T11 đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp phụ kiện đường sắt tuyến Cầu G - N thuộc quyền quản lý của Công ty Cổ phần Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày cuối tháng 7/2023, Phạm Tuấn V, Nguyễn Thị T4, Hồ Trọng T2 đang ngồi chơi ở nhà T2 thì V rủ T2 đi lấy trộm phụ kiện đường sắt thì T2 đồng ý. Từ mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Taurus màu trắng – đen, BKS: 34P6-7638 của T4 chở V đi mua một chiếc cờ-lê với mục đích dùng để tháo ốc trên đường sắt, sau đó chở nhau đi đến đoạn đường sắt (qua địa phận thôn B, xã Q). Tại đây, V dùng cờ-lê tháo ốc vít 30 bộ đinh cóc cố định đường ray với mặt đường sắt, còn T2 nhặt tất cả ốc vít cho vào túi xách mang theo. Sau đó, T2 chở V về nhà T2. Tại đây, T2 gặp Hồ Trọng Anh T11 rồi rủ T11 đi đến cơ sở thu mua sắt vụn của bà Nguyễn Thị T5 bán cho bà T5 30 bộ đinh cóc với giá 120.000 đồng. Số tiền đó T2, T11, V tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 464/KLĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện Q kết luận: 30 bộ đinh cóc, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào cuối tháng 07/2023, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.290.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào buổi trưa ngày cuối tháng 7/2023 (cách lần thứ nhất khoảng 01 - 02 ngày), khi V, T2 và T4 đang chơi tại nhà T2 thì V tiếp tục rủ T2 đi lấy trộm phụ kiện đường sắt thì T2 đồng ý. T2 mượn xe máy BKS 34P6-7638 của T4 rồi chở V đến đoạn đường sắt lần trước. Tại đây, V dùng cờ-lê tháo ốc vít 01 bộ lập lách (gồm 02 thanh lập lách và 06 bộ đỉnh ốc), còn T2 cho toàn bộ số đỉnh ốc cùng với 02 thanh lập lách vào chiếc bì mang theo rồi mang lên đặt trên giá hàng phía trước xe máy. Sau đó, T2 điều khiển xe chở V đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Đàm Thị T7 bán với giá 240.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp được V và T2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 464/KLĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện Q kết luận: 01 Bộ lập lách đường sắt, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào cuối tháng 07/2023 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.570.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào buổi trưa sau ngày trộm lần thứ hai khoảng 01 đến 02 ngày, V tiếp tục rủ T2 đi trộm phụ kiện đường sắt thì T2 đồng ý. T2 mượn xe máy BKS 34P6-7638 của T4 rồi chở V đến đoạn đường sắt lần trước. Đến nơi, V dùng cờ-lê tháo rời ốc vít của 03 bộ lập lách còn T2 nhặt tất cả bỏ vào chiếc bì mang theo. Tuy nhiên, do khối lượng sắt nặng nên V và T2 để lại một thanh lập lách bên lề đường với mục đích sẽ quay lại lấy sau. Sau đó, V chở T2 mang theo số đỉnh ốc và 05 thanh lập lách đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của vợ chồng ông Ngô Quang N1, bà Đinh Thị T8 bán với giá 400.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp V và T2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 464/KLĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện Q kết luận: 03 Bộ lập lách đường ray tàu hỏa, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào cuối tháng 07/2023, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.710.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào buổi trưa ngày 31/7/2023, khi V, T8, T11 đang ngồi chơi tại nhà T2 thì V rủ T2, T11, T8 đi lấy trộm phụ kiện đường sắt và được tất cả đồng ý. Sau đó, T2 điều khiển xe máy BKS 34P6-7638 chở theo T8, V điều khiển xe máy BKS 37L2 – 248.39 chở theo T11 rồi cùng đi đến khu vực mà T2, V đã lấy trộm phụ kiện đường sắt trước đó để tiếp tục lấy trộm. Khi đến nơi, V dùng chiếc cờ-lê tháo lỏng các ốc vít của 04 bộ lập lách, còn T2, T11, T8 thì tháo ốc vít và lấy toàn bộ đỉnh ốc, thanh lập lách cho vào hai chiếc bì xác rắn mang theo, rồi chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của vợ chồng ông Ngô Quang N1, bà Đinh Thị T8 bán cho vợ chồng ông N1 với giá 800.000 đồng. Số tiền đó V, T2, T8, T11 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 464/KLĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện Q kết luận: 04 bộ lập lách đường ray tàu hỏa, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào 31/7/2023, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.280.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng 18 giờ ngày 02/8/2023, V tiếp tục rủ T2, T11, T8 đi lấy trộm phụ kiện đường sắt. Sau đó, T2 sang nhà ông Võ Minh V2 mượn chiếc xe kiến an với mục đích dùng để chở phụ kiện đường sắt trộm được. Sau đó, V điều khiển xe máy BKS 37L2 – 248.39 chở T2 ngồi sau kéo theo xe kiến an, còn T11 điều khiển xe máy BKS 34P6-7638 của T8 chở T8 đi đến khu vực đường sắt thuộc địa phận thôn F, xã Q. Khi đến nơi, V phân công T8 đứng ngoài cảnh giới người qua lại, còn T2, V, T11 xuống đường sắt để lấy trộm phụ kiện đường sắt. Tại đây, V dùng cờ-lê tháo lỏng các ốc vít của 07 bộ lập lách, còn T2 và T11 mở ốc vít và lấy toàn bộ đinh ốc, thanh lập lách cho vào bốn chiếc bì xác rắn mang theo, cho lên xe kiến an rồi chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của vợ chồng ông N1 bà T8 bán với giá 1.400.000 đồng. Số tiền kiếm được đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 464/KLĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện Q kết luận: 07 bộ lập lách đường ray tàu hỏa, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào ngày 02/8/2023, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.990.000 đồng.

Lần thứ sáu: Vào khoảng 12 giờ 30 ngày 03/8/2023, V tiếp tục rủ T2 đi lấy trộm phụ kiện đường sắt thì T2 đồng ý. Sau đó, T2 mượn xe máy BKS 34P6-7638 của T8 chở V đến khu vực đoạn đường sắt thuộc thôn B, xã Q để lấy trộm tài sản. Khi đến nơi, V cầm cờ-lê tháo rời 05 bộ lập lách, còn T2 thì lấy đinh ốc, thanh lập lách mà V tháo được bỏ vào trong 03 chiếc bì xác rắn mang theo. Khi T2, V chuẩn bị mang tất cả số sắt trộm được lên xe máy chở về thì bị nhân viên cung đường sắt C – Q phát hiện. V và T2 điều khiển xe máy BKS 37L2 – 248.39 bỏ chạy, để lại chiếc cờ-lê, 05 bộ lập lách trộm được và chiếc xe máy BKS 34P6-7638 tại hiện trường. Cung trưởng Cung đường sắt C đã trình báo sự việc đến Công an huyện Q.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 464/KLĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện Q kết luận: 05 bộ lập lách đường ray tàu hỏa, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào ngày 03/8/2023, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.850.000 đồng.

Đến ngày 17/8/2023, trong lúc Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh sự việc thì Hồ Trọng T2 và Nguyễn Thị T4 đến Cơ quan Công an huyện Q xin đầu thú. Trên cơ sở lời khai của T2, T4 và các tài liệu liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Q đã ra Lệnh giữ người và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Tuấn V.

Như vậy, Phạm Tuấn V và Hồ Trọng T2 đã 6 lần thực hiện hành vi phạm tội với tổng giá trị 32.690.000 đồng. Trong đó 4 lần có giá trị tài sản chiếm đoạt đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng giá trị 29.830.000 đồng. Hồ Trọng Anh T11 và Nguyễn Thị T4 2 lần thực hiện hành vi phạm tội với tổng giá trị 17.270.000 đồng.

Bản cáo trạng số 178/CT-VKS-QL ngày 26/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Tuấn V từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Hồ Trọng T2 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị T4 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Nguyễn T5 chiếc xe máy BKS 34P6-7638.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cờ lê.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T16; Buộc các bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 trình bày: Bị cáo Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi, là độ tuổi đặc trưng về tâm sinh lý lứa tuổi, nhận thức còn nhiều hạn chế. Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng,

đồng phạm giản đơn, bị cáo V là người khởi xướng rủ rê hai bị cáo T2 và T4. Bị cáo T2 là đồng phạm với vai trò tích cực, bị cáo T4 đồng phạm với vai trò thứ yếu. Bị cáo T2, T4 có nhân thân tốt, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho nhà trường và chính quyền địa phương quản lý giáo dục. Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Trọng T2 mức án 15 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T4 mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin hội đồng xét xử bị cáo ở mức án nhẹ nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp về thời gian, địa điểm và đặc điểm tài sản bị mất của bị hại. Sự phù hợp, thống nhất của các chứng cứ nêu trên, kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 7/2023 đến ngày 03/8/2023, Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2 đã 4 lần thực hiện hành vi trộm cắp các phụ kiện đường ray tàu hỏa tại cung đường S- Nghĩa Đàn do Công ty Cổ phần Đ quản lý với tổng giá trị chiếm đoạt là 29.830.000 đồng, Nguyễn Thị T4 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp các phụ kiện đường ray tàu hỏa tại cung đường sắt này với tổng giá trị chiếm đoạt là 17.270.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn.

Bị cáo Phạm Tuấn V phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên, xúi giục Hồ Trọng T2 và Nguyễn Thị T4 là người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo V là người khởi xướng xúi giục các bị cáo T2 và bị cáo T4 thực hiện hành vi phạm tội, xét về vai trò vị trí cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng hình phạt cho bị cáo V cao hơn bị cáo T2 và T4 và cần thiết cách ly bị cáo V ra khỏi một thời gian để giáo dục phòng ngừa riêng, tuy nhiên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo V cũng đủ nghiêm minh và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 khi đến Công an huyện Q để đầu thú đã có những lời khai tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp phát hiện thêm đồng phạm mới là Phạm Tuấn V. Nên theo hướng dẫn tại mục 3 phần I Công văn 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo T2, T4 được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T2, T4 phạm tội có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đầu thú được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T2 cùng với V 4 lần thực hiện hành vi trộm cắp, giữ vai trò thực hành tích cực. Bị cáo T4 cùng với V, Từ 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp, giữ vai trò đồng phạm thứ yếu. Xét về vai trò vị trí, hình phạt của bị cáo T2 cao hơn bị cáo T4.

Bị cáo Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho hai bị cáo được cải tạo tại địa phương như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ niềm tin để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo V khó khăn về kinh tế, bị cáo T2, T4 là người dưới 18 tuổi nên không phạt tiền bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự nên miễn xét.

Bà Đinh Thị T8 và ông Ngô Quang N1 không có yêu cầu gì về dân sự đối với các bộ lập lách đã mua của các bị cáo bị Cơ quan CSĐT thu hồi trả cho bị hại nên miễn xét.

[6] Về vật chứng:

- 01 Chiếc xe máy BKS 34P6-7638 là tài sản của ông Nguyễn T5, ông T5 không biết bị cáo T4 sử dụng chiếc xe máy vào việc phạm tội nên cần trả lại cho ông T5.

- 01 cờ lê là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với Hồ Trọng Anh T11 là người trực tiếp tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần với tổng giá trị tài sản của các lần trộm cắp là 17.270.000 đồng. Tuy nhiên, do Hồ Trọng Anh T11 là người dưới 14 tuổi nên chưa đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này.

Đối với 02 lần thực hiện hành vi lấy trộm các phụ kiện đường ray tàu hỏa của bị cáo Phạm Tuấn V và Hồ Trọng T2 có giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần dưới mức 2 triệu đồng với tổng giá trị thiệt hại là 2.860.000 đồng, do giá trị tài sản bị chiếm đoạt chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Q có trách nhiệm ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 15, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Đối với bà Đàm Thị T7, bà Đinh Thị T8, ông Ngô Quang N1, bà Nguyễn Thị T9 là những người mua lại tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định khi mua những người này không biết rõ tài sản mà các bị cáo đem bán là tài sản do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm.

Đối với ông Phạm Văn T – là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy BKS 37L2-248.39, quá trình điều tra xác định ông T không biết việc các bị cáo sử dụng xe máy của ông để làm phương tiện phạm tội nên không xem xét.

Đối với ông Võ Minh V2 – là chủ sở hữu của chiếc xe kiến an, quá trình điều tra xác định ông V2 không biết việc các bị cáo sử dụng xe máy của ông để làm phương tiện phạm tội nên không xem xét.

Đối với ông Hoàng Văn T10 là người đứng tên đăng ký đối với chiếc xe máy BKS34P6-7638, quá trình điều tra xác định ông T10 đã bán chiếc xe này cho ông T5 vào khoảng năm 2015 nhưng chưa sang tên, nên không xem xét.

[7] Các bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 phải chịu án phạt hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Tuấn V** 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17/8/2023.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Trọng T2** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T4** 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Q, tỉnh Nghệ An nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hồ Trọng T2 cho chính quyền UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An và giao bị cáo Nguyễn Thị T4 cho chính quyền UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Nguyễn T5 01 Chiếc xe máy BKS 34P6-7638.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc cò lê bằng kim loại dài 42cm, có vòng miệng 36mm (loại cò lê đầu tròn), đã qua sử dụng.

(Đặc điểm vật chứng có tại biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu hồi 16 giờ 00 phút ngày 26/10/2023).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T16;

Buộc các bị cáo Phạm Tuấn V, Hồ Trọng T2, Nguyễn Thị T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THA hình sự h.Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Q, Q;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ